

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+P6+BK19	7:25	1+21+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
2		TTC2+P8	7:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
3		PPD+GTC1+RP3	7:25	9+2+10	0+0+0		0+0+0	0+0+0	
4		TD3+TD1+TD2	9:25	22+0+0	0+0+0		0+9+5	0+0+0	
5		TTC1+P6	9:25	9+13	0+0		9+6	0+0	
6		TGTH5+AMD+HST	9:25	7+13+2	0+0+0		2+13+2	0+0+0	
7		T.UNG	10:15	18	0		19	0	
8		AMD+TGTH4+BK8	11:25	15+2+4	0+0+0		8+3+0	0+0+0	
9		BK21+P8+P11	11:25	7+10+3	0+0+0		5+6+0	0+0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P10 - P6 - BK19	CREW: Linh - N.ANH - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

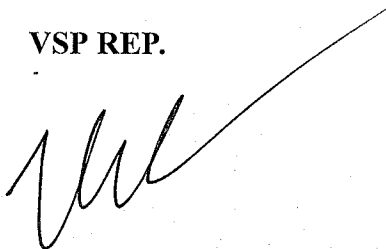
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MANH NAM	P10	20	1	17		87	DVL	Vietnamese
2	BUI SON HAI	P6	2029	1	4	15	69	D-HANH	Vietnamese
3	LE QUANG BINH	P6	08	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
4	KUZMENKO	P6	27	1	5		85	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN NGO HOAN	P6	32-33	2	9		68	YTE	Vietnamese
6	CHERNIAVSKIY D S	P6	25	1	6		112	KH-THAC	Russian
7	PIATOV S.V	P6	26	1	10		95	KH-THAC	Russian
8	LE DAI THANH	P6	35	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
9	HA DUY DONG	P6					89	KH-THAC	Vietnamese
10	DO VAN TUNG	P6	10	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TIEN DUNG	P6	2028	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG THO TAM	P6	31	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHUONG VAN MINH	P6	24	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI TRONG BINH	P6	22	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VAN HOAN	P6	07	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU NHAN	P6	28	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM NGOC QUY	P6	30	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO PHAM THANH HUY	P6	29	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG KHOA	P6	23	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	DAO KIM SAM	P6	34	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
21	LE QUANG MINH	P6					78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

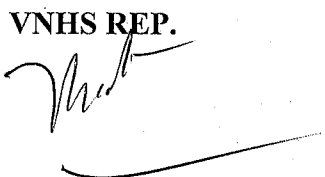
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	1	1	17	87	0	0		
2	P6	20	19	108	1.509	15	18		
3	BK19	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	20	125	1.596	15	22		
WEIGHT KG				125	1.596	15			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

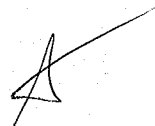
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2023	TO: TTC2 - P8	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - PTUÁN	ETA: 09:25
CAM-1			

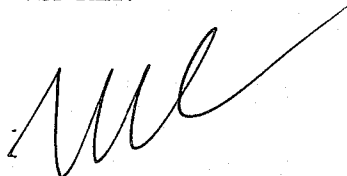
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TIÊN QUY	TTC2	95	1	5		70	PSV	Vietnamese
2	PHUNG MINH HIEU	TTC2	96	1	5	50	72	KH-THAC	Vietnamese
3	LUU VAN AN	TTC2	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VAN TUAN	TTC2					53	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ PHƯƠNG	TTC2	98	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
6	LAZAREV	P8	27	1	5		85	KH-THAC	Russian
7	TRẦN VĂN QUÊ	P8	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO VĂN ĐÔNG	P8	25-26	2	10		86	YTE	Vietnamese
9	PHẠM MINH DUƠNG	P8	22	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P8	23	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	P8	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO TIÊN ĐẠT	P8	31-32	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					85	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TU ANH	P8	33	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NAM HAI	P8	24	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN THANH NAM	P8	29	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HOANG GIANG	P8	33-34	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUANG THĂNG	P8	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI QUÂN	P8	31	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯỜNG VĂN TÙNG	P8	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	19	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TIÊN DUNG	P8	21	1	5		120	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

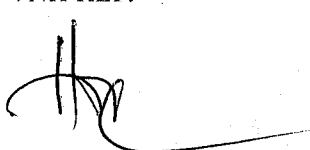
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	4	20	315	50	5		
2	P8	17	19	97	1.307	0	17		
TOTAL		22	23	117	1.622	50	22		
WEIGHT KG				117	1.622	50			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

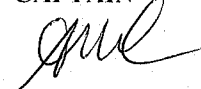
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: PPD - GTC1 - RP3	CREW: LTuấn - HÙNG - Toan	ETA: 09:30
VANG-1			

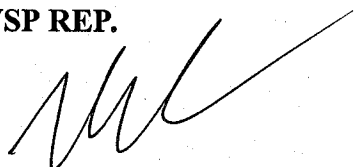
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIKHAILOV EVGENIY	PPD	69	1	5		90	KH-THAC	Russian
2	MIRSAPOV RUSLAN	PPD	67-68	2	7		104	KH-THAC	Russian
3	PHAM THANH TUNG	PPD	66	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN SY	PPD	60	1	13		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH HOAN	PPD	57	1	14	8	73	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG DUY TAI	PPD	56	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
7	DOAN HOANG SON	PPD	61-62	2	18		95	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TRUYEN	PPD	63-65	3	15		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN CANH THONG	PPD	58-59	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN CONG PHU	GTC1	58	1	9		76	CODIEN	Vietnamese
11	LUONG ANH VU	GTC1	57	1	8	23	70	CODIEN	Vietnamese
12	PHAM XUAN DUONG	RP3	08-09	2	10		60	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN MINH HOAT	RP3	12-13	2	10		67	D-HANH	Vietnamese
14	TRUONG ANH TU	RP3	04	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
15	LE TUAN ANH	RP3	03	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DUC DAT	RP3	05-06	2	14	25	63	CODIEN	Vietnamese
17	DANG QUANG LOC	RP3	15	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
18	HA QUANG HUY	RP3	07	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
19	CAO XUAN DUNG	RP3	14	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
20	PHI DUY HOAN	RP3	10	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN TRI PHUOC	RP3	11	1	7		68	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	14	112	701	8	0		
2	GTC1	2	2	17	146	23	0		
3	RP3	10	13	88	679	25	0		
TOTAL		21	29	217	1.526	56	0		
WEIGHT KG				217	1.526	56			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: TD3 - TD1 - TD2	CREW: KHOÀN - Dương - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD3	35	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN TRỌNG TIẾN	TD3	39	1	17		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	TD3	21	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
4	MAI TUÂN KIẾT	TD3	20	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VIỆT THANH LUÂN	TD3	42	1	4		52	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN NGỰ	TD3	36	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN HÀ	TD3	08	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ NGỌC HAI	TD3	07	1	18		67	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN LỢI	TD3	03-04	2	13		60	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG LỰC	TD3	11-12	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HÙNG	TD3	37-38	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TD3	05-06	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI KHÁC THUY	TD3	40-41	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD3	22,57	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
15	VU LÊ HUNG	TD3	01-02	2	16		50	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN Y	TD3	09-10	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	TD3	15-16	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TÂN	TD3	43-44	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI NAM	TD3	19	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ VĂN HUY	TD3	13	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
21	BIỆN VĂN THANH	TD3	14	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN HUY CƯỜNG	TD3	17-18	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

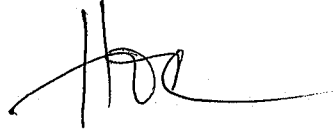
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	33	314	1.449	0	0		
2	TD1	0	0	0	0	0	9		
3	TD2	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	33	314	1.449	0	17		
WEIGHT KG				314	1.449	0			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

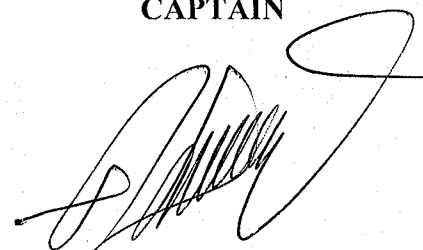
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	TO: TTC1 - P6	CREW: QViệt - MTHAO - PTUÂN	ETA: 11:45
CAM-2			

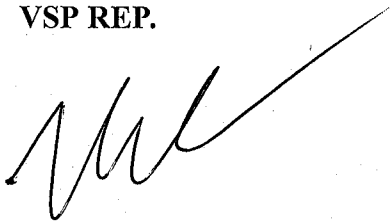
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC HÙNG	TTC1	87	1	7		60	PSV	Vietnamese
2	HOANG THAI ANH	TTC1	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HUY THAI	TTC1	82-83	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TTC1	88	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NHẬT THANH	TTC1	84	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	85-86	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TTC1	94	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DANH TRUNG	TTC1	91-92	2	12	20	69	CODIEN	Vietnamese
9	CHU TUÂN ANH	TTC1	89	1	10	16	62	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN KHÁNH	P6	39	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRUNG TUÂN	P6	16	1	11	12	74	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VĂN THAI	P6	36	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN KIM THẠCH	P6	37-38	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
14	HUÀ SẦY	P6	15	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	P6	73-74	2	12		65	CODIEN	Vietnamese
16	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	P6	34	1	8		76	PSV	Vietnamese
17	LÊ TRUNG TIỀN	P6	32-33	2	10		73	PSV	Vietnamese
18	PHẠM THE CÔNG	P6	11	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG MẠNH	P6	35	1	7		80	PSV	Vietnamese
20	BUI TRUNG SƠN	P6	12	1	10		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

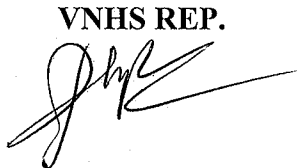
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	9	12	84	607	36	9		
2	P6	11	14	91	757	12	6		
TOTAL		20	26	175	1.364	48	15		
WEIGHT KG				175	1.364	48			

GRAND TOAL: 1.587 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: TGTH5 - AMD - HST	CREW: L Tuấn - HÙNG - Toan	ETA: 11:50

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH TUNG	TGTH5	15-16	2	7		67	HLJOC	Vietnamese
2	PHAN VAN HAO	TGTH5	17-18	2	10		55	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN ĐANG LUU	TGTH5	22-23	2	8		65	HLJOC	Vietnamese
4	PHAM ANH DUONG	TGTH5	19	1	5		63	HLJOC	Vietnamese
5	PHAN MINH HOANG	TGTH5	20-21	2	12		60	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	14	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DINH	TGTH5	13	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN DAI NGHIA	AMD	29	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
9	DUONG CHI PHONG	AMD	33	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH DUNG	AMD	37	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN TRUNG KIEN	AMD	31-32	2	6		82	KH-THAC	Vietnamese
12	LE ANH MINH	AMD	36	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN VAN THUONG	AMD	34	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN DUC TRUNG	AMD	35	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUNG	AMD	39	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN QUANG	AMD	38	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN HUU DANG	AMD	40	1	6		87	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC LAI	AMD	41	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN MINH DUC	AMD	42	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN SAU	AMD	30	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
21	VU TRUNG HIEU	HST	82	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	7	11	51	447	0	2		
2	AMD	13	14	58	898	10	15		
3	HST	1	1	10	78	0	2		
TOTAL		21	26	119	1.423	10	19		
WEIGHT KG				119	1.423	10			

GRAND TOAL: 1.542 KGS + 10kg

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:45
FLIGHT: 7	TO: T.UNG	CREW: ATUẤN - TRUỞNG	ETA: 13:55
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN TRUỞNG	T.UNG					72	PSV	Vietnamese
2	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	97	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG ANH MINH	T.UNG	94	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	87	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN MINH TÂM	T.UNG	93	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	89	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO DUY TỬ	T.UNG	90-91	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
8	DUƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	83	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	98	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN CƯỜNG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	86	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY DUY	T.UNG	95-96	2	15		93	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI TRỌNG HÙNG	T.UNG	85	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HẢI	T.UNG	92	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ ĐẶNG THANH	T.UNG	88	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	LÊ VIỆT KHANG	T.UNG	84	1	4		65	PSV	Vietnamese
18	VU NGOC BAO	T.UNG	200	1	9		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

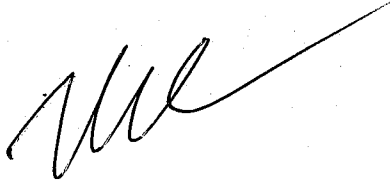
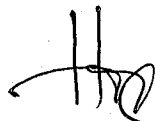
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	17	94	1.286	0	19		
	TOTAL	18	17	94	1.286	0	19		
	WEIGHT KG			94	1.286	0			

GRAND TOAL: 1.380 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	TO: AMD - TGTH4 - BK8	CREW: KHOÀN - Dương - THỤ	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG DINH VINH	AMD	57-59	3	17		67	KH-THAC	Vietnamese
2	LA NGOC MANH	AMD	47-48	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN THUY	AMD	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN VINH	AMD	60	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH MINH SANG	AMD	43-44	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
6	LE XUAN TUAN	AMD	45	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRAI	AMD	55	1	13		63	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG MANH PHU	AMD	50	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VAN CUONG	AMD	54	1	11		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO VAN BAC	AMD	49	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN HUU PHUOC	AMD	46	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN HONG DUONG	AMD	56	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC CHAN	AMD	61	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN HUNG	AMD	52-53	2	10		63	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DOANH	AMD	62-63	2	10		65	PSV	Vietnamese
16	LE VAN TU	TGTH4	09	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH CU	TGTH4	97-98	2	20		62	KH-THAC	Vietnamese
18	DOAN XUAN CUONG	BK8	44	1	13		70	CODIEN	Vietnamese
19	PHAM VAN DUNG	BK8	45	1	11		52	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG TUAN	BK8	46-47	2	19		71	CODIEN	Vietnamese
21	PHAM HOANG	BK8	48-49	2	13	70	60	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	21	132	1.033	0	8		
2	TGTH4	2	3	30	122	0	3		
3	BK8	4	6	56	253	70	2		
TOTAL		21	30	218	1.408	70	13		
WEIGHT KG				218	1.408	70			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/02/2023	TO: BK21 - P8 - P11	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hạnh - ĐNam - NNam	ETA: 14:05
CAM-3			

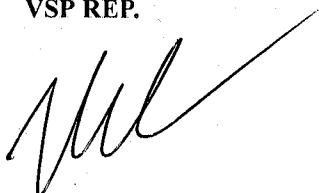
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIỀN THUẬT	BK21	05	1	5		78	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN KHẮC QUỐC	BK21	01-02	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HUY	BK21	03	1	12		79	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔNG VĂN ĐỨC	BK21	06-07	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC DINH	BK21	10	1	10	18	80	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ XUÂN THANH	BK21	08-09	2	16	56	74	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM THAI SƠN	BK21	12-13	2	12		80	XAYLAP	Vietnamese
8	DUƠNG VĂN CUONG	BK21	04	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VINH DUNG	P8	39	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUANG HUY	P8	38	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN KHIÊM HIỂU	P8	37	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
12	DUƠNG TRÍ NAM	P8					83	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NHAN	P8				20	60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG MINH	P8	35	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG HỮU VINH QUY	P8	40	1	6		73	CODIEN	Vietnamese
16	ĐẶNG TIẾN TOÀN	P8	36	1	15		70	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN NAM HOÀNG	P8	42	1	11	20	56	CODIEN	Vietnamese
18	PHI THANH HỒNG	P8	41	1	6		65	CODIEN	Vietnamese
19	ĐO DẠI DUONG	P8	34	1	6		56	PSV	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	P11	64	1	13	57	76	CODIEN	Vietnamese
21	TRẦN PHÚ	P11	62	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
22	LÊ MINH SỸ	P11	63	1	9		72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

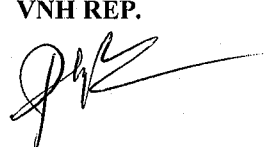
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	8	12	83	608	74	0		
2	P8	11	9	64	737	40	0		
3	P11	3	3	34	218	57	0		
TOTAL		22	24	181	1.563	171	0		
WEIGHT KG				181	1.563	171			

GRAND TOAL: 1.915 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

